

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HOÀNG HÓA  
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2024/DS-ST

Ngày 26/01/2024.

V/v: "Tranh chấp họ hụi".

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bình Quyền

Ông Nguyễn Hoàn Đại

**Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Kiều Oanh - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Long - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 108/2023/TLST-DS ngày 21/12/2023 về việc "Tranh chấp họ phường" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-DS ngày 12/01/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị C, sinh năm 1981. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Ông Hoàng Đình S, sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1952. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 14/12/2023, bản tự khai ngày 26/12/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị C trình bày như sau:

Do chỗ quen biết là họ hàng với ông Hoàng Đình S, bà Nguyễn Thị V nên vào năm 2018 gia đình ông S, bà V có tổ chức chơi họ, chị cùng tham gia chơi 02 suất họ mỗi suất đóng 5.000.000 đồng, đã đóng được số tiền 73.909.000 đồng, chưa đến hạn lấy họ do ông S, bà V vỡ nợ nên không tiếp tục đóng nữa. Ngày 03/7/2019 ông S có viết giấy nhận nợ số tiền trên, khi ông S viết giấy nhận nợ bà V cũng có nhà, tuy không ký vào giấy nhưng hai ông bà đều hứa với chị thời gian 4 tháng sẽ trả dần, vì hai ông bà đều là người đứng ra tổ chức chơi họ, những lần chị đến đóng họ đều có hai ông bà ở nhà. Đến hạn ông S, bà V không trả cho chị mặc dù rất nhiều lần chị đến hỏi nhưng hai ông bà cứ khất hết lần này đến lần khác. Để đảm bảo quyền lợi, chị đề

ngợi Tòa án giải quyết buộc ông S, bà V phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền chị đã đóng họ là 73.909.000 đồng, chị không yêu cầu ông S, bà V trả lãi đối với số tiền họ đã đóng.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/01/2024 bị đơn ông Hoàng Đình S và bà Nguyễn Thị V trình bày:*

Gia đình chúng tôi có tổ chức chơi phường họ, chị C có tham gia chơi 02 suất họ và đã đóng cho chúng tôi số tiền 73.909.000 đồng, sau đó do bị vỡ nợ nên không có tiền để trả cho chị C và tôi đã viết giấy nhận nợ ngày 03/7/2019 và có hạn 4 tháng tôi sẽ trả, giấy nhận nợ chỉ mình tôi viết và ký, bà V không ký nhưng cũng có biết còn nợ chị C số tiền họ. Nay chị C khởi kiện yêu cầu chúng tôi trả nợ số tiền họ chị C đã đóng nhưng hiện nay chúng tôi không thể có để trả cho chị C được nên cho ông bà chúng tôi được khất nợ khi nào chúng tôi có sẽ trả dần cho chị C.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông S, bà V đề nghị vắng mặt tại tất cả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; nguyên đơn, bị đơn đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hui, họ, buu, phường; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị C. Buộc ông Hoàng Đình S và bà Nguyễn Thị V phải trả cho chị Hoàng Thị C số tiền 73.909.000 đồng.

Về án phí: Trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị Hoàng Thị Chúc, miễn án phí cho ông Hoàng Đình S, bà Nguyễn Thị V.

Nguyên đơn không có sự thay đổi, bổ sung, rút toàn bộ về yêu cầu khởi kiện, các bên đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Hoàng Thị C khởi kiện đòi nợ vợ chồng ông Hoàng Đình S, bà Nguyễn Thị V số tiền đã góp họ là 73.909.000 đồng, đây là quan hệ “Tranh chấp họ hụi” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn là ông Hoàng Đình S và bà Nguyễn Thị V có nơi cư trú tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, biên bản lấy lời khai ngày 08/01/2024 tại gia đình ông S, bà Vc đều xin vắng mặt tất cả các buổi làm việc tại Tòa án, kể cả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án. Ngày 23/01/2024 ông S, bà V có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S, bà V theo quy định của pháp luật.

[3] Về Nội dung tranh chấp:

Vợ chồng ông Hoàng Đình S, bà Nguyễn Thị V có tổ chức góp họ và chị Hoàng Thị C có tham gia góp họ. Quá trình góp họ do ông S bà V vợ nợ nên ngày 03/7/2019 hai bên đã chốt số tiền góp họ, ông S viết giấy nhận nợ với chị C số tiền 73.909.000 đồng, hẹn 04 tháng sẽ có trách nhiệm trả dần cho chị C. Sau khi nhận nợ, khát nợ, ông S bà V đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận. Hiện ông S, bà V vẫn còn nợ chị C số tiền góp họ là 73.909.000 đồng. Vì vậy, chị C khởi kiện đòi nợ ông S, bà V trả toàn bộ số tiền góp họ trên là hoàn toàn có cơ sở nên cần chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án chị Hoàng Thị C không yêu cầu Tòa án buộc ông S, bà V trả tiền lãi nên không xem xét.

Ông S, bà V xin được khát nợ khi nào có sẽ trả dần, nhưng không được chị C chấp nhận. Hội đồng xét xử nhận định: Từ khi hai bên chốt nợ đến nay, ông S, bà V đã không trả được tiền nợ cho chị C, nay lại xin được khát nợ khi nào có sẽ trả dần nhưng không có phương án, thời gian, kế hoạch trả nợ cụ thể nên chị C không chấp nhận việc vợ chồng ông S, bà V xin khát nợ và trả nợ dần là hoàn toàn có cơ sở. Vì vậy, cần buộc ông S, bà V phải có trách nhiệm liên đới trả cho chị C toàn bộ số tiền góp họ là 73.909.000 đồng.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H được trả lại cho chị Hoàng Thị C. Ông Hoàng Đình S, bà Nguyễn Thị V là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 207, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 278, Điều 280, Điều 288, Điều 471 của Bộ luật Dân sự;

Điều 15, Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hội, họ, buru, phường; Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hội, họ, buru, phường;

Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị C.

2. Buộc ông Hoàng Đình S và bà Nguyễn Thị V phải liên đới trả cho chị Hoàng Thị C toàn bộ số tiền góp họ là 73.909.000 đồng (*Bảy mươi ba triệu chín trăm linh chín nghìn đồng*).

*Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì người phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền phải thi hành và thời gian chậm thi hành án.*

**Án phí:** Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Hoàng Đình S, bà Nguyễn Thị V. Trả lại cho chị Hoàng Thị C số tiền 1.848.000 đồng (*Một triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003672 ngày 21/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hoằng Hóa;
- Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Cao Thị Nga**